

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5385/BTC-TCT
V/v giải đáp kiến nghị của
cộng đồng doanh nghiệp.

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2014

Kính gửi:

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 21/4/2014, Bộ Tài chính đã có công văn số 5164/BTC-TCT gửi Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam, Văn phòng Chính phủ và Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc giải đáp các kiến nghị về thuế và hải quan của cộng đồng doanh nghiệp, phục vụ Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp năm 2014.

Ngày 23/4/2014, Bộ Tài chính tiếp tục nhận được kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp (do Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam chuyển đến theo công văn số 0821/PTM-VP ngày 17/4/2014, công văn số 0881/PTM-VP và công văn số 0877/PTM-VP ngày 23/4/2014). Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính hoàn thiện, bổ sung thêm nội dung giải đáp các kiến nghị về chính sách thuế, phí và hải quan theo các văn bản do Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam gửi đến (chi tiết báo cáo trả lời kiến nghị của doanh nghiệp đính kèm).

Bộ Tài chính đề nghị Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổng hợp phục vụ Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp năm 2014.

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn!

(Công văn này thay thế công văn số 5164/BTC-TCT ngày 21/4/2014)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Chính sách thuế;
- Tổng cục Thuế;
- Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TCT (VT, VP-2b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

BÁO CÁO

(Kèm theo công văn số 5385/BTC-TCT ngày 24/4/2014 của Bộ Tài chính)

1. VỀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THUẾ, PHÍ VÀ HẢI QUAN

Kiến nghị 1: Đề nghị sớm đưa thuế TNDN về mức thống nhất 20%, bỏ trần không chế chi phí quảng cáo, tiếp thị của doanh nghiệp hoặc tối thiểu cần nâng mức trần lên 15 - 20% của doanh thu chứ không phải của chi phí. Đề nghị tiếp tục có các biện pháp giảm thuế giá trị gia tăng để kích thích thị trường.

Trả lời

Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 đã quy định giảm mức thuế suất phổ thông từ 25% (theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008) xuống còn 22%. Theo lộ trình giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, từ ngày 01/01/2016, áp dụng mức thuế suất phổ thông là 20%. Tại Điểm 5 Điều 1 Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp đã sửa đổi, bổ sung như sau: “m) Phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới, tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt quá 15% tổng số chi được trừ. Tổng số chi được trừ không bao gồm các khoản chi quy định tại điểm này; đối với hoạt động thương mại, tổng số chi được trừ không bao gồm giá mua của hàng hoá bán ra;”

Như vậy, mức trần không chế chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới, tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được nâng từ 10% tổng số chi phí được trừ (theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008) lên thành 15% tổng số chi phí được trừ.

Kiến nghị 2: Về thuế GTGT đề nghị thu hẹp, giảm đối tượng không chịu thuế, dần dần và có lộ trình áp dụng thống nhất một mức thuế suất để đảm bảo tính đơn giản, rõ ràng, minh bạch và tính liên hoàn của thuế GTGT. Trước mắt cần xem xét lại quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013, theo đó quy định doanh nghiệp phải đầu tư mua sắm TSCĐ có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên (trừ ô tô dưới 9 chỗ) mới được đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT, điều này gây khó khăn cho rất nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp mới thành lập từ năm 2014 vì buộc phải thu hồi các hóa đơn giá trị gia tăng đã phát hành từ tháng 3 trở về trước để hủy, đồng thời phải sử dụng hóa đơn bán hàng mua từ cơ quan thuế. Bên cạnh đó, doanh nghiệp phải hạch toán thuế GTGT đầu vào thành chi phí dẫn đến tăng giá thành sản phẩm. Hơn nữa giá bán ra của sản phẩm còn phải chịu thêm 3% thuế GTGT đầu ra (đối với lĩnh vực sản xuất), điều này đồng nghĩa với việc hàng hóa của doanh nghiệp mới thành lập mất khả năng cạnh tranh về giá so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề được áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT. Điều khiến DN bức xúc là thông tư đến tay DN quá chậm, trong khi cơ quan thuế lại hỏi tổ cho khoảng thời gian trước đó. Cụ thể, thông tư ban hành ngày 31-12-2013, có hiệu lực từ 1-1-

2014 nhưng đến ngày 17-2-2014 mới công bố trên trang web của Tổng cục Thuế và đầu tháng 3 các DN mới được thông báo...

Trả lời

Theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 thì nội dung cải cách thuế GTGT là sửa đổi, bổ sung theo hướng giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa dịch vụ không chịu thuế GTGT; giảm bớt nhóm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất 5%; nghiên cứu đến năm 2020 áp dụng cơ bản một mức thuế suất (không kể mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu). Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế xã hội trong nước và trên thế giới được dự báo sẽ còn nhiều khó khăn, do đó cần thiết tiếp tục duy trì nhóm thuế suất 5% đối với hàng hóa, dịch vụ là đầu vào của sản xuất nông nghiệp và hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân bởi các lý do sau:

Một là sản phẩm nông nghiệp vẫn áp dụng không chịu thuế GTGT nên hàng hóa, dịch vụ là đầu vào phục vụ cho sản xuất nông nghiệp cần tiếp tục duy trì ở mức thuế suất 5% trong một thời gian nữa để giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường;

Hai là nước ta hiện nay vẫn đang trong giai đoạn đầu hội nhập kinh tế quốc tế nên nếu áp dụng ngay một mức thuế suất 10% sẽ khiến nông nghiệp, nông thôn bị tác động mạnh, đặc biệt trong điều kiện hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở nước ta chưa cao, thu nhập và mức sống của người dân nhất là nông dân còn thấp;

Ba là hiện nay mặt bằng giá thế giới một số vật tư nguyên liệu đầu vào của sản xuất tăng mạnh, nhất là đầu vào của sản xuất nông nghiệp, từ đó ảnh hưởng lớn đến giá thành sản phẩm sản xuất trong nước, đời sống của người dân.

Theo thống kê mức thuế suất của 112 nước, có 88 nước có mức thuế suất từ 12% đến 25% nên mức thuế suất 10% hiện nay của Việt Nam là thấp hơn so với các nước; việc giữ mức thuế suất 10% và chưa thu hẹp nhóm thuế suất 5% là nhằm tập trung rà soát, tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

Về việc giảm đối tượng không chịu thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 đã chuyển nhóm "dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư ở quy định" từ đối tượng không chịu thuế sang đối tượng chịu thuế suất 10%. Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến đề nghiên cứu khi sửa đổi Luật thuế GTGT.

Về vướng mắc khi thực hiện Thông tư 219/2013/TT-BTC, Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 3795/BTC-TCT ngày 26/3/2014 hướng dẫn các Cục thuế với nội dung: "Đối với các doanh nghiệp thành lập từ ngày 01/1/2014 đến ngày 28/2/2014, đối với các trường hợp Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh, Cục Thuế các tỉnh, thành phố đã hướng dẫn doanh nghiệp bằng văn bản, hoặc doanh nghiệp, đơn vị có văn bản đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ thuế đối với cơ quan thuế và được cơ quan thuế chấp nhận áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, doanh nghiệp đã đặt in, thông báo phát hành và sử dụng hóa đơn GTGT thì các doanh nghiệp này áp dụng phương pháp khấu trừ thuế."

Kiến nghị 3: Đưa đối tượng “Hàng xuất khẩu của doanh nghiệp trả về” (hay gọi là “tái nhập hàng trả lại” vào đúng danh mục đối tượng không chịu thuế GTGT và thuộc trong nhóm “Hàng tạm nhập tái xuất, hàng tạm xuất tái nhập” của Điều 4 Thông tư 219.

Trả lời

Bộ Tài chính nhất trí với kiến nghị này và sẽ có văn bản hướng dẫn để thực hiện thống nhất đối với các doanh nghiệp.

Kiến nghị 4: Về ưu đãi thuế theo Nghị định 92/2013/NĐ-CP ban hành ngày 13/8/2013 thì trong thực tế nhiều doanh nghiệp mặc dù có số lao động lớn hơn 30 (Theo luật là không phải doanh nghiệp nhỏ) nhưng doanh thu hàng năm lại rất thấp (Thấp hơn nhiều so với mức 20 tỷ, mốc quy định doanh nghiệp nhỏ) mà vẫn không được hưởng chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp nhỏ. Do đó các doanh nghiệp kiến nghị Nhà nước nên áp dụng chính sách ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp có doanh thu hàng năm dưới 20 tỷ thay vì áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ. Điều này rất tốt vì các doanh nghiệp cần hỗ trợ là các doanh nghiệp có khó khăn về tài chính chứ không phải các doanh nghiệp có số lượng lao động ít.

Trả lời

Tại Điểm 6 Điều 1 Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định: “2. Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá hai mươi tỷ đồng áp dụng thuế suất 20%. Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 20% tại khoản này là doanh thu của năm trước liền kề.”

Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định: “2. Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, kể cả hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng được áp dụng thuế suất 20%. Tổng doanh thu năm làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 20% quy định tại khoản này là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp của năm trước liền kề.”

Căn cứ các quy định nêu trên, doanh nghiệp có doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định (không phụ thuộc vào số lượng lao động đơn vị sử dụng).

Kiến nghị 5: Về kéo dài nợ thuế đề nghị Chính phủ nên có chính sách kéo dài thời gian nợ thuế với những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đang gặp khó khăn về vốn do nguyên nhân tồn kho, chưa được nhà nước thanh quyết toán, giảm mức phạt chậm nộp.

Trả lời

Về gia hạn nộp thuế: Điểm c và d - Khoản 1 - Điều 31 - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính quy định các trường hợp được gia hạn nộp thuế bao gồm: “c. Chưa được thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã được ghi trong dự toán ngân sách nhà nước. d. Không có khả năng nộp thuế

đúng hạn do gặp khó khăn đặc biệt khác” Căn cứ quy định nêu trên: trường hợp doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn do chưa được ngân sách nhà nước thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc do gặp khó khăn đặc biệt khác thì được xem xét gia hạn nộp thuế.

Về tiền chậm nộp: Khoản 32 - Điều 1- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế đã quy định mức tính tiền chậm nộp 0,05%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp không quá 90 ngày và 0,07%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp vượt quá thời hạn 90 ngày. Khoản 1, 2 - Điều 35 - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính quy định người nộp thuế có quyền đề nghị miễn tiền chậm nộp trong trường hợp gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo hoặc trường hợp bất khả kháng khác. Mức miễn tiền chậm nộp tối đa không quá: giá trị tài sản, hàng hoá bị thiệt hại hoặc chi phí khám, chữa bệnh đối với trường hợp cá nhân bị bệnh hiểm nghèo. Do đó, trường hợp doanh nghiệp sản xuất kinh doanh gặp khó khăn bất khả kháng thì có quyền đề nghị miễn tiền chậm nộp và mức miễn tiền chậm nộp tối đa không quá giá trị tài sản, hàng hoá bị thiệt hại.

Kiến nghị 6: Thí điểm cơ chế ưu đãi thuế cho các DNNVV thông qua tờ khai đặc biệt để khuyến khích các DNNVV áp dụng chế độ kế toán chuyên nghiệp (hạn chế thu thuế khoán). Tuy nhiên, để làm việc này cần phải tăng cường hệ thống dịch vụ hỗ trợ kê khai thuế.

Trả lời

Căn cứ Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 về chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ và Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (Điều 12 hướng dẫn phương pháp khấu trừ thuế và Điều 13 hướng dẫn đối tượng áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng thì trường hợp cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên hoặc có doanh thu hàng năm từ bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ dưới một tỷ đồng nhưng đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC thuộc đối tượng áp dụng phương pháp khấu trừ thuế. Các trường hợp cơ sở kinh doanh đang hoạt động không đáp ứng được quy định trên thì áp dụng phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng.

Kiến nghị 7: Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo không thu phí dịch vụ môi trường rừng đối với các DN thủy điện 2011, 2012 theo Nghị định 99/2010/NĐ-CP với lý do Nghị định này có hiệu lực 01/01/2011 nhưng đến cuối năm 2012 mới triển khai thực hiện. Mặt khác trong giá bán điện theo biểu chi phí tránh được năm 2011, 2012 chưa được tính phí dịch vụ môi trường rừng (năm 2013 giá bán điện mới được tính phí dịch vụ môi trường rừng).

Trả lời

Kiến nghị của các doanh nghiệp liên quan đến tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; giá mua bán điện là chi phí tránh được

áp dụng cho các nhà máy thủy điện nhỏ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp Phát triển Nông thôn và Bộ Công thương. Về phía Bộ Tài chính có ý kiến:

- Đối với các DN kinh doanh thủy điện nhỏ chưa thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng 2011, 2012, đề nghị thực hiện nghiêm túc việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP nói trên.

- Trường hợp các DN kinh doanh thủy điện nhỏ có rủi ro, bất khả kháng; đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ tình hình thực hiện thực tế, cân nhắc và nghiên cứu hướng dẫn phù hợp với quy định hiện hành tại Điều 12 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP: *"Tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 7 Nghị định này trong trường hợp gặp rủi ro, bất khả kháng thì được xem xét miễn, giảm tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Nghị định này. Giao Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan hướng dẫn việc miễn giảm tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng"*.

Kiến nghị 8: Trước đây thuế Tài nguyên nước sử dụng trong thủy điện được tính với mức 2% trên giá bán điện theo quy định của Bộ Tài chính. Kể từ ngày 01/02/2014 được quy định theo giá bán điện thực tế nhưng lại nâng thuế suất lên 4% (văn bản số 18228/BTC-CST ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính). Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu điều chỉnh bởi mức thuế suất 4% là quá cao.

Trả lời

Việc quyết định mức thuế suất thuế tài nguyên thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tại Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH có quy định việc điều chỉnh mức thuế suất thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện từ 2% lên 4% nhằm sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu tác động không tốt tới môi trường (nhất là tình trạng phát triển nhiều dự án thủy điện nhỏ).

Kiến nghị 9: Doanh nghiệp ngành chăn nuôi cho rằng hiện nay đang rất khó khăn và đề nghị Nhà nước hỗ trợ với hình thức bỏ thuế GTGT đối với thức ăn đầu vào (5%) và thuế phải nộp khi đơn vị bán sản phẩm cho nhà máy chế biến (5%) (Quy định tại điểm C, khoản 2, điều 8 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12; Điểm C, khoản 2, điều 6 Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 8/12/2008 của Chính phủ; Khoản 3, điều 10 thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/1/2012 của Bộ Tài chính).

Trả lời

Tại Khoản 2 Điều 8 Luật thuế GTGT quy định: "2. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây: a) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; b) Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng; c) Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác;" Như vậy mặt hàng thức ăn chăn nuôi đã được quy định áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% tại Luật thuế GTGT.

Để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ quy định tại Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định về việc không thu thuế GTGT đối với sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành sản phẩm khác bán cho doanh nghiệp, Hợp tác xã. Theo đó trường hợp doanh nghiệp, Hợp

tác xã bán nguyên liệu là sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành sản phẩm khác cho doanh nghiệp, Hợp tác xã khác để sản xuất thức ăn chăn nuôi thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

Kiến nghị 10: Đề nghị giảm 5% thuế TNDN cho các DN sử dụng 500 lao động trở lên, đồng thời miễn hoặc giảm tiền thuê đất hàng năm cho các DN này nếu có mức sử dụng đất trên 1 lao động nhỏ hơn $50m^2$ /1 người.

Trả lời

- Về thuế TNDN; Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định: Dự án sử dụng thường xuyên từ 500 đến 5.000 lao động thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư; Dự án sử dụng thường xuyên từ 5.000 lao động trở lên thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư. Theo đó, các dự án nêu trên sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư, trong đó có ưu đãi về thuế TNDN.

Từ năm 2009, thực hiện Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư và doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ hướng dẫn Luật thuế TNDN được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Theo đó, các dự án sử dụng nhiều lao động không thuộc diện hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Từ năm 2014, thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 thì dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và sử dụng trên 3.000 lao động thuộc diện hưởng ưu đãi thuế TNDN; đồng thời Luật có bổ sung quy định doanh nghiệp có doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng được áp dụng mức thuế suất 20% (thay vì mức thuế suất phổ thông 22%). Bên cạnh đó, Luật cũng quy định miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có từ 30% số lao động bình quân trong năm trở lên là người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV/AIDS; Doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ được giảm thuế TNDN bằng số chỉ thêm cho lao động nữ.

- Về tiền thuê đất: Tại điểm a khoản 10 Điều 2 Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định: “10. Sửa đổi khoản 4 Điều 14 như sau: “4. Kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động, cụ thể như sau: a) Ba (3) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư; tại cơ sở sản xuất kinh doanh mới của tổ chức kinh tế thực hiện di dời theo quy hoạch, di dời do ô nhiễm môi trường.”.

Điều 29, mục IV phần B Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định: “29. Dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động đến 5.000 lao động”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động đến 5.000 lao động thì thuộc đối tượng được miễn 3 năm tiền thuê đất kể từ ngày

dự án hoàn thành đưa vào hoạt động theo quy định tại điểm a, khoản 10 Điều 2 Nghị định số 121/2010/NĐ-CP.

Kiến nghị 11: Xếp mặt hàng mủ cao su sơ chế được áp dụng các quy định về thuế GTGT tương tự như các sản phẩm trồng trọt khác vì cao su thiên nhiên từ cây cao su cũng là sản phẩm trồng trọt và tỷ trọng XK trên 80%.

Trả lời

Kiến nghị 10: Xếp mặt hàng mủ cao su sơ chế được áp dụng các quy định về thuế GTGT tương tự như các sản phẩm trồng trọt khác vì cao su thiên nhiên từ cây cao su cũng là sản phẩm trồng trọt và tỷ trọng XK trên 80%.

Trả lời

Luật thuế GTGT quy định mủ cao su sơ chế thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%.

Về thuế GTGT đối với mặt hàng mủ cao su sơ chế, ngày 10/3/2014, Bộ Tài chính đã có công văn số 2935/BTC-TCT trả lời Hiệp hội cao su với nội dung: Mủ cao su sơ chế như mủ cờ rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ cốm, mủ ly lâm, mủ latex áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 5%. Mức thuế suất thuế GTGT đối với mặt hàng mủ cao su sơ chế này được áp dụng thống nhất ở khâu nhập khẩu, sản xuất hay kinh doanh thương mại.

Kiến nghị 12: Đề nghị đưa thuế suất thuế XK cao su trở lại mức 0% để giúp DN cao su tăng tính cạnh tranh về giá với các nước khác trong điều kiện giá cao su ở mức rất thấp, gần sát với giá thành

Trả lời

Thời gian vừa qua, do ảnh hưởng của kinh tế thế giới dẫn đến hoạt động xuất khẩu cao su giảm, tồn kho của doanh nghiệp tăng, tình hình sản xuất kinh doanh ngành cao su gặp nhiều khó khăn. Để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy xuất khẩu trong bối cảnh nguồn cung cao su trên thị trường thế giới và trong nước tăng (dư) cao so với cầu, Bộ Tài chính đã điều chỉnh mức thuế suất thuế xuất khẩu mặt hàng cao su tự nhiên, cao su tổng hợp từ mức 3%, 5% xuống 1% kể từ ngày 26/12/2013.

Đến thời điểm hiện nay, giá cao su thế giới tiếp tục diễn biến theo xu hướng giảm còn 1.700 – 1.800 USD/tấn tính (thời điểm cuối năm 2013 là 2.300 – 2.500 USD/tấn) nên Bộ Tài chính ghi nhận kiến nghị này để có phương án điều chỉnh thuế xuất khẩu đối với mặt hàng này cho phù hợp với diễn biến giá xuất khẩu.

Kiến nghị 13: Kiến nghị và đề xuất về thu phí bảo trì đường bộ theo đầu phương tiện; sớm sửa đổi một số nội dung quy định tại Thông tư 197/2012/TT-BTC sát với thực tế và đúng với các quy định của Nhà nước như nghiên cứu mức thu phí theo tháng, không thu phí đầu kéo và sơ mi rơ moóc riêng biệt...

Trả lời

Bộ Tài chính đã nhận được kiến nghị nêu trên của Hiệp hội, trên cơ sở đó đã nghiên cứu, tiếp thu và hiện đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 197/2012/TT-BTC cho phù hợp (dự thảo Thông tư đang được gửi lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành và một số Hiệp hội vận tải).

Kiến nghị 14: Đề nghị các Bộ, ngành liên quan đàm phán thời gian áp dụng thuế NK nhóm 17.01 trong Hiệp định ATIGA vẫn duy trì thời hạn mức thấp nhất là 5% nhằm hỗ trợ sản xuất trong nước

Trả lời

Theo Hiệp định ATIGA, Việt Nam phải cam kết xóa bỏ thuế quan hoàn toàn đối với tất cả các mặt hàng của Biểu thuế vào năm 2018. Tuy nhiên, trong quá trình đàm phán Hiệp định ATIGA, ta đã đưa mặt hàng đường vào danh mục đặc biệt nhạy cảm, không cam kết xóa bỏ thuế quan vào thời điểm năm 2018. Theo đó, đã đàm phán và đạt được thỏa thuận với các nước ASEAN là được phép duy trì thuế suất 5% sau 2018 đối với tất cả các mặt hàng đường thuộc nhóm 17.01 (ngoại trừ đường củ cải là mặt hàng trong nước không có lợi thế sản xuất và nhu cầu tiêu dùng rất thấp).

Kiến nghị 15: Đề nghị thuế VAT của ngành mía đường được Nhà nước cân đối lại 100% hỗ trợ cho người trồng mía thông qua đầu tư vào các dự án, góp phần xây dựng nông thôn mới, giải quyết vấn đề cơ cấu lại ngành nông nghiệp, thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp bền vững của Đảng, phát triển mía, giảm giá thành mía nguyên liệu như Thái Lan đang thực hiện

Trả lời

Theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật, thuế GTGT (không kể thuế GTGT hàng hoá NK và thuế GTGT thu từ hoạt động XSKT) là khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa NSTW và NSDP, được giao ổn định từ 3 đến 5 năm (hiện nay kỳ ổn định là 5 năm 2011-2015). Theo đó, khoản thu thuế GTGT này được tổng hợp chung vào thu cân đối ngân sách của từng cấp ngân sách; phương án bố trí dự toán chi ngân sách hỗ trợ ngành mía đường và người trồng mía sẽ được cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý NSNN.

Mặt khác, số thu GTGT từ ngành mía đường không lớn (năm 2013 số thu khoảng 850 tỷ đồng), trong khi đó Nhà nước đã bố trí cân đối từ NSNN rất lớn để hỗ trợ cho nông dân (bao gồm cả người trồng mía) thông qua đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới...

Kiến nghị 16: Đề nghị xem xét giảm thuế VAT đối với các sản phẩm nông sản, sản phẩm chè hiện nay 10% xuống 5% để giảm bớt khó khăn cho DN nông nghiệp

Trả lời

Sản phẩm chè (từ lá chè tươi qua các công đoạn làm héo, vò, lên men, sao, phơi, sấy khô, sàng phân loại thành chè bán thành phẩm để làm nguyên liệu sản xuất chè xanh, chè đen, chè hương là chè khô sơ chế ở khâu kinh doanh thương mại áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% (trừ trường hợp do các tổ chức, cá nhân tự sản xuất, bán ra; hoặc ở khâu nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT).

Từ chè khô sơ chế hoặc từ chè tươi chế biến thành chè thành phẩm như: chè đen, chè xanh, chè hương và các loại chè thành phẩm khác đóng túi lọc, đóng hộp, đóng gói, đóng thùng để xuất khẩu thuế GTGT là 0% và tiêu dùng trong nước là sản phẩm chè đã qua chế biến, áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

Kiến nghị 17: Doanh nghiệp kinh doanh thủy sản phản ánh công văn số 385 Bộ tài chính ngày 9/1/2014 hướng dẫn thi hành NĐ 209 ngày 18/12/2013 làm tăng

giá thành xuất khẩu mặt hàng thủy sản xuất khẩu từ 1 -2%, giảm sức cạnh của mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam so với các nước. Theo DN, công văn này giảm VAT đầu ra của sản phẩm thủy sản xuất khẩu còn 0% nhưng các nguyên phụ liệu khác vẫn có VAT do vậy toàn bộ phần VAT phụ liệu không được khấu trừ sẽ tính vào giá thành xuất khẩu làm tăng giá sản phẩm thủy sản xuất khẩu

Trả lời

Theo công văn số 385/BTC-CST ngày 9/1/2014: Doanh nghiệp, HTX nộp thuế theo phương pháp khấu trừ bán hàng hóa là nông lâm, thủy hải sản chưa qua chế biến cho các doanh nghiệp, HTX khác nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thì thủy hải sản thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và thuế GTGT đầu vào được khấu trừ toàn bộ. Do đó DN, HTX xuất khẩu sản phẩm là thủy hải sản được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các nguyên phụ liệu xuất khẩu.

Kiến nghị 18: DN tỉnh Sóc Trăng phản ánh nhà máy ở nông thôn không duy trì hoạt động được đã đóng cửa hàng loạt vì vấn đề thuế suất đối với hạt gạo hiện nay nhà máy sản xuất ra hạt gạo khi bán xuất hóa đơn chịu thuế 5% nộp ngân sách thực tế bị lỗ liên tục không có hóa đơn thì không bán được nhiều DN thu hẹp không sản xuất nữa vì không còn lợi nhuận, âm vốn luôn. Kiến nghị để giúp nông dân gián tiếp nên xem xét trong điều kiện hiện nay giảm thuế này để giúp loại hình DN này tồn tại vì hiện nay chịu không nổi nhiều nhà máy ở nông thôn Sóc Trăng đóng cửa do không còn lãi mà bị lỗ phải đóng cửa

Trả lời

Trước ngày 01/01/2014 mặt hàng gạo do khi Nhà máy thuộc DN, HTX nộp thuế theo phương pháp khấu bán ra thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%.

Từ ngày 01/01/2014 theo quy định tại Nghị định số 209/2013/NĐ-CP thì gạo là hàng nông sản chưa qua chế biến theo đó khi Nhà máy thuộc Doanh nghiệp, HTX nộp thuế theo phương pháp khấu trừ bán ra thì không phải khai, nộp thuế - không phải tính thuế 5% như doanh nghiệp phản ánh.

Kiến nghị 19: Các hợp đồng ngân hàng từ chối không cho doanh nghiệp vay vốn vì không có tài sản thế chấp nên doanh nghiệp phải huy động vốn từ các cá nhân, cán bộ CNV nhưng phải trả lãi cao hơn mức lãi vay của ngân hàng. Tuy nhiên phần chi phí trả lãi vay cao hơn này lại không được cơ quan thuế chấp nhận là các chi phí hợp lý, hợp lệ. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp khi huy động vốn.

Trả lời

Tại Điểm 5 Điều 1 Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định về chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: “e) Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay”

Khoản 1 Điều 476 Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 quy định: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.”

Như vậy, theo quy định tại Bộ Luật Dân sự và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì phần chi phí lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tương ứng tại thời điểm vay doanh nghiệp không được trừ vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (hiện nay, lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam được quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước là 9,0%/năm).

Kiến nghị 20: Đề nghị Chính phủ xem xét áp dụng chính sách đặc thù về thuế thu nhập cho thuyền viên: hầu hết các nước có lực lượng thuyền viên đi thuê nước ngoài đều không thu hoặc thu mức thuế thấp đối với thu nhập của thuyền viên. Hiện nay cùng đi một tàu và được chủ tàu trả lương như nhau thì thu nhập của thuyền viên Việt Nam nhận được ít hơn so với các thuyền viên của các nước khác trong khu vực như Philippine, Indonesia, Trung Quốc, Bangladesh... Việc này làm cho các chủ tàu kém mặn mà với việc thuê thuyền viên Việt Nam.

Trả lời

Việc thu thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công của thuyền viên được quy định tại pháp luật về thuế TNDN. Đối với những kiến nghị về ưu đãi thuế TNCN đặc thù cho thuyền viên, Bộ Tài chính ghi nhận, xem xét tình hình thực tế và thông lệ xử lý tại các nước trong khu vực như Philippine, Indonesia, Trung Quốc,... để kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật thuế TNCN.

Kiến nghị 21: Tạm ngưng ban hành thêm các loại thuế, phí phải thu của DN, người dân để tăng cầu hàng hóa và hỗ trợ cho DN

Trả lời

Bộ Tài chính xin ghi nhận kiến nghị này. Trong quá trình thực hiện Pháp lệnh Phí, lệ phí, Bộ Tài chính đã phối hợp với các bộ ngành địa phương liên tục rà soát tình hình thu phí và lệ phí, bãi bỏ ngay những khoản phí và lệ phí không đúng quy định và không có trong Danh mục phí và lệ phí. Bộ Tài chính cũng vừa có báo cáo giải trình với Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc chấp hành pháp luật về phí và lệ phí, trong đó đã nêu trong thời gian tới sẽ nghiên cứu sửa đổi Pháp lệnh Phí và lệ phí, rà soát lại Danh mục Phí và Lệ phí để sửa đổi cho phù hợp với các văn bản QPPL khác và thực tế phát sinh.

Kiến nghị 22: Xem xét và bỏ mục 2, điều 3 TTư 71/2010/TT-BTC ngày 07/5/2010 của Bộ Tài chính. Cho phép các cơ sở kinh doanh (xe ô tô, xe 2 bánh gắn máy sản xuất, lắp ráp trong nước và xe nhập khẩu) thực hiện niêm yết giá bán phù hợp với giá giao dịch thông thường trên thị trường và bán đúng giá giao dịch thông thường trên thị trường hoặc thấp hơn 5% thì được tính thuế theo giá thực tế bán ra. Các trường hợp có niêm yết giá bán xe ô tô, xe hai bánh gắn máy nhưng bán không đúng quy định trên thì bị ấn định giá bán ra theo giá giao dịch thông thường trên thị trường và ấn định số thuế phải nộp

Trả lời

Luật Quản lý thuế quy định trường hợp cơ sở kinh doanh bán hàng hóa không theo giá dao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế được quyền ấn định giá để làm căn cứ tính thuế.

Do có tình trạng một số cơ sở kinh doanh xe ô tô xe hai bánh gắn máy ở khâu thương mại khi bán xe máy thu tiền nhiều hơn giá công bố nhưng ghi giá bán trên hóa đơn thấp hơn giá thực tế thu tiền hoặc thấp hơn giá do nhà máy sản xuất công bố vì vậy căn cứ quy định của Luật Quản lý thuế, Bộ Tài chính đã ban hành quy định hướng dẫn về việc lấy giá tính lệ phí trước bạ do UBND tỉnh ban hành làm 1 trong những căn cứ xác định số thuế phải nộp của hoạt động kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy.

Kiến nghị 23: Để khuyến khích tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô, đầu tư trang thiết bị y tế, đề nghị Chính phủ cho khối bệnh viện ngoài công lập được khấu trừ thuế đầu vào để giảm bớt khó khăn cho bệnh viện. Đồng thời tạo điều kiện cho khối bệnh viện tư nhân được vay từ nguồn vốn ODA để các bệnh viện tái đầu tư, phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân

Trả lời

Theo quy định của Luật thuế GTGT thì cơ sở kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT không được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào.

Đối với ngành y tế, để hỗ trợ hoạt động các cơ sở khám chữa bệnh và giảm chi phí khám, chữa bệnh cho nhân dân, Luật thuế GTGT quy định: Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Do vậy, kiến nghị cho phép khấu trừ thuế đầu vào đối với cơ sở y tế là bệnh viện ngoài công lập là chưa có cơ sở để giải quyết.

Đối với việc tiếp cận nguồn vốn ODA của khối bệnh viện tư nhân, hiện nay, Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ đã có nhiều quy định tạo điều kiện cho khu vực tư nhân được tiếp cận nguồn vốn vay ODA của Chính phủ để đầu tư cho các lĩnh vực ưu tiên, trong đó có lĩnh vực y tế. Theo đó, các dự án bệnh viện tư nhân sẽ được vay lại vốn vay ODA, vốn ưu đãi trực tiếp từ Chính phủ hoặc thông qua hệ thống tài chính, tín dụng trong nước trên cơ sở tuân thủ các điều kiện, quy trình thủ tục theo quy định.

Kiến nghị 24: Đề nghị giảm Thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu thủy sản xuống 0% đối với một số loài thủy sản hiện còn duy trì mức thuế mà doanh nghiệp có nhu cầu nhập khẩu cao (tôm các loại, cá ngừ các loại, mực/bạch tuộc) nhằm tháo gỡ khó khăn về nguồn nguyên liệu sản xuất xuất khẩu và gia tăng kim ngạch xuất khẩu thủy sản.

Trả lời:

Thuế nhập khẩu đối với hầu hết các loại thủy sản như tôm, cá ngừ, mực, bạch tuộc trong nước chưa nuôi trồng, sản xuất được hoặc đều được quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0%; đối với loại trong nước đã nuôi trồng được như

tôm sú, tôm thẻ chân trắng, mực, bạch tuộc được quy định mức thuế suất hợp lý để khuyến khích nuôi trồng trong nước để chủ động và hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu (Tôm sú, tôm thẻ chân trắng: 10-12%, Mực, Bạch tuộc). Đối với một số loại như tôm hùm, cá ngừ là hàng tiêu dùng không khuyến khích nhập khẩu nên quy định mức thuế suất cao để hạn chế nhập khẩu (Cá ngừ: từ 12% đến 20% ; Tôm hùm: 10-15%).

Kiến nghị 25: Thuế sử dụng đất tăng cao (theo NĐ 121 suất tính thuế đất tăng 3 lần). Các DN trước đây khi lập dự án kinh doanh đều lấy mốc giá thuê đất theo NĐ 142 nhưng nay lại phải thực hiện theo NĐ 121, suất tính thuế cộng với giá cơ sở của tỉnh quy định hàng năm tăng dẫn đến giá thuê đất tăng quá cao, tới 3-4 lần thậm chí có vị trí tới 7-8 lần so với thời điểm 2010 về trước. Tới đây DN phải nộp thêm khoản thuế đất phi nông nghiệp. Trong tình hình DN gặp nhiều khó khăn mà Nhà nước liên tục có chính sách về tăng thuế, DN đề nghị Nhà nước và ngành Thuế xem xét, điều chỉnh giúp DN vượt qua khó khăn giai đoạn hiện nay

Trả lời

Để hỗ trợ doanh nghiệp bớt khó khăn năm 2011, 2012, 2013 và 2014 Chính phủ đã có Nghị quyết thực hiện giảm 50% tiền thuê đất cho các doanh nghiệp và doanh nghiệp không phải nộp quá mức 2 lần so thực hiện năm 2010.

Kiến nghị 26: Đề nghị miễn thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần đất mà các DN (có trụ sở nằm trong KCN, cụm CN) mua đất nằm ngoài KCN, cụm CN để đầu tư xây nhà cho công nhân trong KCN, cụm công nghiệp không còn đất trống

Trả lời

Căn cứ các quy định tại Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê; Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, trường hợp các tổ chức kinh tế xây dựng nhà chung cư cho công nhân của các khu công nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà giá bán, giá cho thuê nhà không có chi phí về tiền thuê đất thì thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất.

Kiến nghị 27: Đề nghị cho miễn thuế nhập khẩu 500 xe ca loại 40,45 và 50 chỗ để chở khách du lịch cao cấp nhằm tạo điều kiện cho Du lịch Việt Nam nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, cạnh tranh với các nước trong khu vực.

Trả lời:

Hiện nay, Việt Nam đã sản xuất, lắp ráp được các dòng xe chở người trên 30 chỗ, đáp ứng tốt nhu cầu trong nước. Để bảo hộ mặt hàng này trước sức cạnh tranh của hàng nhập khẩu, khuyến khích sản xuất trong nước thì thuế nhập khẩu đối với xe nguyên chiếc được duy trì mức thuế suất cao theo mức cam kết WTO, đồng thời duy trì chính sách thuế nhập khẩu ưu đãi đối với linh kiện lắp ráp.

Do đó không nên đặt vấn đề miễn thuế nhập khẩu đối với dòng xe này.

Kiến nghị 28: Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo cho phép tính thuế đất công viên, khu vực vui chơi, đường đi... trong khách sạn, resort với mức 30% thuế đất xây dựng.

Trả lời

Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành đã quy định đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thì diện tích đất tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là tổng diện tích đất được nhà nước giao, cho thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh ghi trên Giấy chứng nhận, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bộ Tài chính ghi nhận kiến nghị trên để nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền quyết định khi sửa đổi, bổ sung Luật.

Kiến nghị 29: Tham vấn tại cộng đồng được tổ chức bởi VCCI và Amcham vào ngày 28/3 tại Hà Nội và Văn phòng Chính phủ ngày 11 tháng 4 tại Tp.Hồ Chí Minh đã đưa giải trình rõ ràng “nước ngọt có ga” không gây hại cho sức khỏe người sử dụng và mức thuế tiêu thụ đặc biệt 10% sẽ làm tăng giá thành đồ uống có ga, lượng tiêu thụ kéo theo đó giảm 28% và dẫn tới tác động tiêu cực, do đó, việc áp dụng thuế TTĐB lên đồ uống có ga có hiệu quả kinh tế hay không còn là vấn đề nghị vấn. Các doanh nghiệp FDI chiếm tới 88% thị trường nước giải khát có ga, việc đánh thuế dựa trên cacbonat sẽ là phân biệt đối xử.

Trả lời:

Hiện nay dự thảo đang được lấy ý kiến rộng rãi, Bộ Tài chính sẽ tổng hợp những ý kiến đóng góp của các Bộ, Cơ quan, UBND tỉnh thành phố, các Doanh nghiệp, Hiệp hội các Doanh nghiệp,... để nghiên cứu phương án phù hợp báo cáo Chính phủ.

2. VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUẾ, HẢI QUAN

Kiến nghị 1: Một số doanh nghiệp cho rằng hồ sơ, thủ tục vẫn còn rườm rà, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Trong một số trường hợp có khó khăn, vốn nhỏ, hàng hóa không tiêu thụ được dẫn đến nợ đọng, không hoàn thành được báo cáo thuế thì dễ dàng bị gán cho là doanh nghiệp bỏ trốn, người đại diện bị treo tư cách pháp nhân, nếu muốn khôi phục lại hoạt động thì việc đầu tiên phải đảm bảo là hoàn thành các nghĩa vụ thuế trước, vượt quá khả năng của doanh nghiệp trong quá trình phục hồi sản xuất kinh doanh

Trả lời

Luật Quản lý thuế quy định: Người nộp thuế (NNT) đang hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải thực hiện kê khai và nộp thuế, trường hợp quá thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định mà NNT chưa nộp hồ sơ khai thuế thì cơ quan thuế sẽ có thông báo, sau ba lần ra thông báo nhưng NNT không có thông tin phản hồi thì cơ quan thuế tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế và qua kiểm tra xác minh NNT không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký thì cơ quan thuế phối hợp với chính quyền địa phương lập biên bản xác nhận về tình trạng không còn hoạt động tại địa điểm kinh doanh của NNT. Sau các bước và thủ tục nêu trên, cơ quan

thuế sẽ ra thông báo. Và khi NNT muốn hoạt động trở lại thì phải thực hiện các nghĩa vụ về thuế và bị xử phạt hành vi vi phạm thủ tục hành chính.

Kiến nghị 2: Về hoàn thuế, cơ quan thuế nên phân loại cho các doanh nghiệp, doanh nghiệp nào có truyền thống thực hiện tốt, không mắc vi phạm về thuế thì cần được tạo điều kiện thuận lợi trong khâu kiểm tra và xét hoàn thuế. Cơ quan thuế cũng cần phải tăng cường khâu tuyên truyền và cập nhật thông tin về các doanh nghiệp đã mua hóa đơn không hợp pháp trên thị trường để cộng đồng doanh nghiệp nắm rõ tránh trường hợp doanh nghiệp sử dụng hóa đơn này, sau khi được hoàn thuế thì bị truy thu, gây ảnh hưởng xấu đến doanh nghiệp

Trả lời

Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đã quy định: NNT tuân thủ tốt pháp luật về thuế thì thực hiện hoàn trước, cơ quan thuế chỉ thực hiện kiểm tra trước khi hoàn thuế đối với các trường hợp có rủi ro cao trong hoàn thuế. Đồng thời, đối với các trường hợp hoàn trước nhưng qua quản lý thuế, phát hiện có nghi vấn hoặc rủi ro cao, cơ quan thuế sẽ kiểm tra sau hoàn chậm nhất trong thời hạn 1 năm kể từ ngày ban hành Quyết định hoàn thuế. Trên cơ sở đánh giá tình tuân thủ pháp luật thuế và đánh giá xếp hạng rủi ro của NNT cơ quan thuế sẽ ưu tiên trong phân loại và giải quyết hoàn thuế cho các đối tượng phù hợp.

Về công tác tuyên truyền và cập nhật thông tin doanh nghiệp và hóa đơn, Bộ Tài chính đã chỉ đạo cơ quan thuế công khai trên website của Tổng cục Thuế và 63 Cục Thuế. Cụ thể là:

- Thông tin về NNT và NNT vi phạm pháp luật về thuế, doanh nghiệp rủi ro cao về thuế đăng công khai bao gồm tên, địa chỉ, mã số thuế, người đại diện theo pháp luật...

- Thông tin tra cứu hóa đơn công khai tại www.tracuuhoadon.gdt.gov.vn bao gồm hoá đơn của tổ chức, cá nhân đã thông báo phát hành, hoá đơn của tổ chức, cá nhân không còn giá trị sử dụng, hoá đơn của tổ chức, cá nhân bỏ trốn mang theo, hoá đơn của tổ chức, cá nhân in hoặc khởi tạo trùng số, trùng ký hiệu, hoá đơn của tổ chức, cá nhân đã sử dụng nhưng không thông báo phát hành, hoá đơn của tổ chức, cá nhân đã thông báo không tiếp tục sử dụng, hoá đơn của tổ chức, cá nhân đã báo mất, cháy, hoá đơn của các tổ chức, cá nhân đã ngừng sử dụng mã số thuế (còn gọi là đóng mã số thuế), hoá đơn của các tổ chức, cá nhân đã thông báo kết quả huỷ, hoá đơn của tổ chức, cá nhân chây ỳ, bị cưỡng chế thuế...

- Thông tin về quyết định cưỡng chế và thông báo hoá đơn không còn giá trị sử dụng đăng trên Trang thông tin Tổng cục Thuế dưới hình thức đăng tải toàn bộ quyết định và thông báo của Cục Thuế (bản scan).

Kiến nghị 3: Về thủ tục hoàn thuế GTGT phải kèm báo cáo tồn kho... DN kiến nghị bỏ quy định phân bổ hàng tồn kho tại khoản 4, điều 18, TTư 219 nhằm tăng tính khả thi thủ tục hoàn thuế GTGT cho DN xuất khẩu, phù hợp với quy định tại điều 10, 12 của Luật thuế GTGT

Trả lời

Theo quy định tại Luật thuế giá trị gia tăng, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP và Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật thuế GTGT thì đối với cơ sở kinh doanh có 3 trường hợp hoàn thuế: hoàn thuế trong trường hợp có số thuế đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra; hoàn thuế đối với đầu tư và hoàn thuế đối với xuất khẩu.

- Hoàn thuế trong trường hợp có số thuế đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra: Trường hợp sau 4 quý hoặc 12 tháng liên tục CSKD có số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra thì được hoàn thuế.

- Hoàn thuế đối với đầu tư: Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư nếu có số thuế GTGT lũy kế của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.

- Hoàn thuế đối với xuất khẩu: Cơ sở kinh doanh có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.

Do có một số cơ sở kinh doanh vừa xuất khẩu vừa có bán nội địa nên để đảm bảo việc xác định số thuế GTGT được hoàn của hàng xuất khẩu phù hợp tại Thông tư 219 của Bộ Tài chính có quy định hướng dẫn loại trừ số thuế GTGT của hàng tồn kho - đây là hàng chưa xuất khẩu - khi xác định số thuế được hoàn. Cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai khấu trừ thuế của hàng tồn kho nhưng chưa được hoàn theo diện xuất khẩu.

Việc loại trừ hàng hóa tồn kho khi xác định số thuế GTGT được hoàn thuế của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chỉ áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thương mại (mua hàng hóa để xuất khẩu) không áp dụng đối với cơ sở kinh doanh có hoạt động sản xuất để xuất khẩu.

Kiến nghị 4: Khó khăn trong thủ tục nộp, tiếp nhận và xử lý hồ sơ xét hoàn thuế, không thu thuế quy định tại điều 127, TTư 128... DN kiến nghị không áp dụng quy định “quá 60 ngày” kể từ ngày đăng ký tờ khai hàng hóa XK cuối cùng đối với hàng hóa thuộc tờ khai NK đề nghị không thu thuế khi còn trong thời hạn 275 ngày. Chỉ nên áp dụng 1 quy định hiện hành là 275 ngày

Trả lời

Tiếp thu ý kiến doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã bổ sung nội dung thời hạn phải thanh khoản là không quá 275 ngày kể từ ngày nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

Kiến nghị 5: Đề nghị cơ quan thuế nghiên cứu cải thiện thủ tục hoàn thuế đối với việc nhập khẩu máy móc, thiết bị thuộc diện miễn, giảm thuế VAT. Do giá trị hợp đồng nhập khẩu có thể lên tới hàng chục tỷ đồng nên việc doanh nghiệp phải vay tiền để tạm nộp thuế VAT là điều không hợp lý và sẽ không khuyến khích được các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị, nâng cao năng suất lao động.

Trả lời

Đối với máy móc thiết bị trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (trừ máy móc thiết bị nhập khẩu quy định tại khoản 17 Điều 4 Thông tư

156/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013) được quy định tại Điều 1 Thông tư 92/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010, tại Điều 56 Thông tư 156/2013/TT-BTC đã quy định rõ:

- Hồ sơ hoàn thuế bao gồm giấy đề nghị hoàn trả ghi rõ số thuế GTGT hàng nhập khẩu của máy móc thiết bị và cam kết của doanh nghiệp đảm bảo hàng hoá thuộc danh mục quy định của Thông tư 92/2010/TT-BTC và Bảng kê hồ sơ hàng hoá nhập khẩu.

- Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn của NNT: chậm nhất trong thời hạn 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của NNT, cơ quan thuế phải thông báo cho NNT kết quả kiểm tra hồ sơ đã đủ điều kiện hoàn và yêu cầu NNT nộp chứng từ thuế GTGT hàng nhập khẩu để cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế.

- Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được chứng từ thuế GTGT hàng nhập khẩu, cơ quan thuế có trách nhiệm đối chiếu chứng từ với số liệu đã kê khai trong hồ sơ hoàn thuế của NNT và ra quyết định hoàn thuế.

Như vậy, các quy định về thủ tục hoàn thuế GTGT đối với máy móc thiết bị trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định đã được hướng dẫn đơn giản, rõ ràng và nhanh chóng, tạo thuận lợi cho NNT.

Kiến nghị 6: Về chứng từ thanh toán qua ngân hàng trong hồ sơ xét hoàn thuế không thu thuế quy định tại điều 127, TTư 128... tạo sức ép và khó khăn cho khách hàng chậm thanh toán, bù trừ công nợ, từ đó chất lượng không đúng với yêu cầu, có khi khách hàng không thanh toán... Khi đó chứng từ thanh toán không hợp lệ (số tiền không đúng hoặc không có chứng từ thanh toán). Thực tế khi DN đã giải trình đầy đủ, chứng minh hàng đã xuất và chứng từ bù trừ qua lại... nhưng vẫn khó được Hải quan chấp nhận. Kiến nghị Bộ Tài chính cần có các quy định và hướng dẫn tháo gỡ khó khăn cho các trường hợp thực tế kể trên

Trả lời

Chứng từ thanh toán đã được quy định cụ thể tại Phụ lục I Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013. vướng mắc liên quan đến chứng từ thanh toán, BTC đã có công văn số 1704/BTC-TCHQ ngày 08/02/2014 giải quyết cụ thể:

Căn cứ khoản 4.2 Phụ lục I Thông tư 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013, thì “trường hợp người xuất khẩu hàng hóa được thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng nhưng phía nước ngoài ủy quyền cho bên thứ ba là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thực hiện thanh toán, ngoài việc cung cấp chứng từ thanh toán thì việc thanh toán theo ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản (trong hợp đồng xuất khẩu; phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh thanh toán)”.

Căn cứ khoản 4.6 Phụ lục I Thông tư 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013, thì “trường hợp việc thanh toán giữa người xuất khẩu của Việt Nam và phía nước ngoài thực hiện bằng hình thức bù trừ giữa giá trị hàng hóa xuất khẩu hoặc tiền công gia công hàng hóa xuất khẩu với giá trị hàng hóa, dịch vụ mua của phía nước ngoài.

Kiến nghị 7: Về việc chậm hoàn thuế bảo vệ môi trường đối với bao bì PE gói hàng XK theo quy định

Trả lời:

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu, ngày 18/3/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 30/2013/TT-BTC hướng dẫn hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường (BVMT) đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sản phẩm hàng hóa theo Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ. Tại Thông tư số 30/2013/TT-BTC quy định: Hoàn tất hồ sơ và nộp trước ngày 30/6/2013 cho cơ quan thuế hoặc cơ quan hải quan nơi đã khai, nộp thuế để được hoàn lại tiền thuế, không truy nộp thuế BVMT đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sản phẩm hàng hóa.

Tuy nhiên, trong thực tế thực hiện có một số doanh nghiệp chậm hoàn thiện và nộp hồ sơ hoàn lại tiền thuế, hồ sơ không truy nộp thuế cho cơ quan thuế hoặc cơ quan hải quan kể từ ngày 30/6/2013 trở về sau.

Để tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã có công văn số 5427/BTC-CST đề nghị Cục thuế và Cục hải quan các địa phương kiểm tra lại các hồ sơ hoàn lại tiền thuế, hồ sơ không truy nộp thuế đã nộp kể từ ngày 30/6/2013 trở về sau. Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng được hoàn lại tiền thuế, không truy nộp thuế và đã hoàn thiện hồ sơ thì xem xét hoàn lại tiền thuế BVMT đã nộp và tiền phạt chậm nộp nếu có, không truy nộp thuế BVMT nếu đã kê khai nhưng chưa nộp và tiền phạt chậm nộp nếu có theo quy định.

Kiến nghị 8: Chính phủ xem xét khi ban hành chính sách các loại thì phải ổn định, lâu dài. Cụ thể, nên miễn thuế GTGT cho một số ngành hàng trong nước giúp doanh nghiệp giảm giá bán, giải quyết hàng tồn kho, thu hồi vốn để tái sản xuất; tạm ngưng ban hành thêm các loại thuế, phí phải thu của doanh nghiệp, người dân để tăng cầu hàng hóa và hỗ trợ cho doanh nghiệp; thoái trả tiền thuế bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp sản xuất túi ni lông đạt các tiêu chí bảo vệ môi trường và được cấp giấy chứng nhận trong khi các doanh nghiệp đó đã đóng thuế bảo vệ môi trường rất cao từ ngày 1/1 - 31/12/2012.

Trả lời

Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 8/8/2011 của Chính phủ quy định túi ni lông đáp ứng tiêu chí thân thiện với môi trường kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện với môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì không thuộc diện chịu thuế BVMT. Căn cứ quy định nêu trên, Bộ Tài nguyên Môi trường có Thông tư số 07/2012/TT-BTNMT ngày 04/7/2012 quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận túi ni lông thân thiện với môi trường (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20/8/2012).

Do đó, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện với môi trường thì không thuộc diện phải kê khai, nộp thuế BVMT, trường hợp nếu đã kê khai nộp thuế BVMT thì sẽ được hoàn lại tiền thuế đã nộp.

Kiến nghị 9: Xây dựng và áp dụng cơ chế thông báo trước ưu đãi thuế. Đề nghị làm rõ các điều kiện cụ thể để áp dụng những ưu đãi thuế trong Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 đồng thời xem xét đưa ra các biện pháp minh

bạch hóa các điều kiện áp dụng ưu đãi thuế đối với từng dự án đầu tư nhằm tăng cường tính ổn định và khả năng dự báo trước của từng đối tượng nộp thuế (đặc biệt là khu vực có vốn ĐTNN)

Trả lời:

Theo Luật quản lý thuế đã có các quy định tạo thuận lợi và tạo chủ động cho người nộp thuế nhất là cơ chế tự khai, tự nộp thuế phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp thay cho việc cơ quan thuế có thông báo thuế như trước đây.

Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ đã quy định cụ thể về lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế, về tiêu chí, điều kiện để hưởng ưu đãi thuế cũng như mức ưu đãi thuế; đối với một số tiêu chí ưu đãi thuộc lĩnh vực chuyên ngành về công nghệ cao, lĩnh vực xã hội hoá, lĩnh vực báo chí, xuất bản thì pháp luật chuyên ngành như Luật Công nghệ cao, Luật Báo chí, Luật Xuất bản... đều đã có những quy định, là căn cứ để người nộp thuế tự xác định và áp dụng chính sách ưu đãi thuế, đảm bảo công khai, minh bạch và đồng bộ.

Kiến nghị 10: Về các hoạt động thanh, kiểm tra, đề nghị cơ quan thuế trong tình hình khó khăn này cần hạn chế công tác thanh tra đối với các doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp có truyền thống thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về thuế, tránh việc kiểm tra chồng chéo, gây nhiều phiền hà cho doanh nghiệp. Quá trình thanh, kiểm tra phải có kế hoạch sớm từ đầu năm và có sự phối hợp cùng các cơ quan khác nhằm giảm thiểu thời gian, dần trải gây phiền hà cho doanh nghiệp

Trả lời

Thanh tra, kiểm tra thuế là nhiệm vụ quan trọng trong việc quản lý thuế, là phương tiện phòng ngừa, răn đe các hành vi vi phạm pháp luật thuế và tội phạm nảy sinh trong việc thực hiện pháp luật thuế; góp phần tạo môi trường kinh doanh bình đẳng; góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về thuế; góp phần chống thất thu cho ngân sách nhà nước. Thực hiện Luật Quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra theo nguyên tắc rủi ro, phân tích và lựa chọn các doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế để tiến hành thanh tra, kiểm tra; những doanh nghiệp chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế thì không lựa chọn để thanh tra, kiểm tra. Các doanh nghiệp đưa vào kế hoạch thanh kiểm tra có loại trừ trùng lặp với các cơ quan quản lý nhà nước khác (Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Tài chính và trong nội bộ hệ thống thuế) theo đúng quy định. Ngay từ đầu năm kế hoạch thanh tra, kiểm tra được thông báo đến các doanh nghiệp để có sự chủ động sắp xếp để không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2013, cơ quan thuế đã thanh tra, kiểm tra khoảng 13,2% doanh nghiệp trên tổng số lượng doanh nghiệp hoạt động đang được quản lý thuế, trong đó thanh tra đạt 1,7% và kiểm tra đạt 11,5% số doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục thanh tra, kiểm tra thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan thuế cũng đã tăng cường công tác kiểm tra nội bộ để giám sát, xử lý nghiêm đối với các cán bộ có vi phạm trong quá trình quản lý thuế nói chung và trong công tác thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp nói riêng.

Kiến nghị 11: Vấn đề truy thu thuế cũng đang là hiện tượng được các doanh nghiệp phản ánh có nhiều khó khăn, vướng mắc, một số trường hợp có sự áp thuế

cảm tính, duy ý chí. Trong thời gian qua, Bộ Tài chính vừa có quy định mới về hóa đơn xuất khẩu, theo các doanh nghiệp sự xuất hiện của hóa đơn này là thừa, phía đối tác nước ngoài vẫn chỉ dùng commercial invoice từ trước đến nay của doanh nghiệp, trong khi đó khi làm hoàn thuế, ngành thuế lại từ chối hóa đơn xuất khẩu trong hoàn thuế giá trị gia tăng. Đề nghị bỏ hóa đơn này (3 liên và có tiếng Việt)

Trả lời

Để giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho bỏ quy định về hóa đơn xuất khẩu, theo đó tại Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 đã bỏ quy định về việc sử dụng hóa đơn xuất khẩu bằng tiếng Việt. Đối với những hóa đơn xuất khẩu đã đặt in còn tồn chưa sử dụng thì Bộ Tài chính đã hướng dẫn theo hướng doanh nghiệp được tiếp tục sử dụng đến hết.

Kiến nghị 12: Việc thu thuế nên linh hoạt cho các DN được hoãn hoặc giãn nộp thuế khi có lý do giải trình hợp lý và không bị phạt chậm nộp theo qui định, vì thời gian qui định nộp thuế vào 2 kì/ năm. Kì đầu vào tháng 4 thường DN chưa hoạt động KD nhiều nên chưa cân đối đủ tài chính để nộp

Trả lời

Luật Quản lý thuế đã quy định việc khai nộp thuế như sau:

- Về thuế GTGT: việc khai nộp thuế GTGT thực hiện theo tháng đối với doanh nghiệp có quy mô lớn hoặc thực hiện theo Quý đối với các doanh nghiệp có tổng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ của năm trước liền kề từ 20 tỷ đồng trở xuống.

- Về thuế TNDN: việc khai nộp thuế TNDN thực hiện tạm tính theo quý và Quyết toán năm.

Kiến nghị 13: Gia hạn tối đa 12 tháng thời hạn nộp tiền sử dụng đất đối với các chủ đầu tư dự án có khó khăn về tài chính

Trả lời

Ngày 2/1/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2014, theo đó các chủ đầu tư dự án bất động sản được Nhà nước giao đất mà chưa nộp tiền sử dụng đất do có khó khăn về tài chính, chưa được gia hạn nộp tiền sử dụng đất và chưa bán được hàng thì được gia hạn nộp tiền sử dụng đất theo tiến độ thanh toán tiền bán hàng trong thời gian tối đa 24 tháng kể từ ngày phải nộp tiền sử dụng đất theo thông báo lần đầu của cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kiến nghị 14: Thống nhất trong các quy định hướng dẫn DN thực hiện nghĩa vụ đăng ký, kê khai, nộp thuế ngay từ đầu khi ban hành văn bản, tránh trường hợp như hiện nay không thống nhất dẫn đến việc truy thu và phạt DN số tiền lên đến chục tỷ, trăm tỷ đồng. Đối với các trường hợp DN đã kê khai sai do nhầm lẫn giữa các văn bản hướng dẫn (không cố tình gian lận, trốn thuế) đề nghị cơ quan thuế không phạt chậm nộp đối với những trường hợp này

Trả lời

Ngành Thuế xin tiếp thu ý kiến và sẽ định hướng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính thống nhất, ổn định. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, thực thi chính sách áp dụng vào thực tế có thể phát sinh những trường hợp mà tại các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định chi tiết nên cần có văn bản hướng dẫn cụ thể. Trường hợp người nộp thuế kê khai sai do văn bản hướng dẫn của cơ quan thuế (không cố tình gian lận, trốn thuế) thì NNT sẽ không phải nộp tiền chậm nộp.

Tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành đã phân biệt rõ hành vi khai sai với hành vi trốn thuế, gian lận thuế. Mức xử phạt đối với hành vi khai sai thấp hơn tối thiểu 5 lần so với mức xử phạt hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

Kiến nghị 15: Chính sách thuế có nhiều bất hợp lý, nhiều năm DN đã kiến nghị nhưng vẫn không được chấp thuận. Đối với các nhà thầu xây lắp, ngành Thuế thu trên kết quả nghiệm thu A-B song bên A (hầu hết là cơ quan nhà nước) chậm thanh toán theo khối lượng đã hoàn thành hàng năm, thậm chí có công trình nợ nhiều năm nhưng DN vẫn phải nộp thuế ngay sau khi có văn bản nghiệm thu khối lượng. Ngoài ra còn 20% giá trị phải chờ có văn bản quyết toán của cấp có thẩm quyền mới có kế hoạch vốn, mục này thường nợ 2-3 năm thậm chí tới 5-7 năm sau mới được giải quyết trong khi DN vẫn phải vay lãi ngân hàng với lãi suất cao để nộp thuế, chậm nộp thuế bị ngành Thuế phạt tăng lên nhiều lần. DN kiến nghị sửa điều này cho DN nộp thuế theo giá trị vốn nhà nước thanh toán và các cơ quan nhà nước (cơ quan tài chính các cấp) tập trung thẩm định quyết toán nhanh để giải quyết hàng tồn kho cho DN (được nhận số tiền 20% giữ chờ quyết toán)

Trả lời

Tại điểm g khoản 1 Điều 7 Luật Thuế GTGT quy định về giá tính thuế như sau: “g) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế giá trị gia tăng. Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị;”

Theo đó, giá tính thuế GTGT và thời điểm xác định thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt đã được quy định tại Luật thuế GTGT. Trường hợp doanh nghiệp nhận xây dựng công trình từ nguồn vốn NSNN nhưng chưa được thanh toán thì Luật Quản lý thuế đã có quy định cho phép doanh nghiệp được gia hạn số tiền thuế nợ tính đến thời điểm đề nghị gia hạn. Số thuế được gia hạn tối đa không vượt quá số tiền ngân sách nhà nước chưa thanh toán bao gồm cả giá trị của các hoạt động tư vấn, giám sát, khảo sát thiết kế, lập kế hoạch dự án đối với các hợp đồng của công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản được người nộp thuế ký trực tiếp với chủ đầu tư, do ngân sách nhà nước cấp phát hoặc có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước. Thời gian gia hạn nộp thuế tối đa không quá 01 (một) năm, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế. Trường hợp bất khả kháng thì thời gian gia hạn tối đa là 2 năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Kiến nghị 16: Theo TTư 156 thì DN phải thông báo với cơ quan thuế các thông tin mở tài khoản tại ngân hàng. Nhưng trường hợp DN vay tiền ngân hàng nhưng ngân hàng không giải ngân qua tài khoản tiền gửi thanh toán để trả tiền cho nhà cung cấp mà ngân hàng tự động mở ra một tài khoản tiền vay và giải ngân từ tài khoản vay thì tài khoản sẽ tự động khóa và không sử dụng lại nữa và cũng không có phát sinh giao dịch gì từ ngoài giao dịch ngân hàng cho 1 lần duy nhất. Vậy nên ngân hàng cũng không cung cấp và xác nhận cho DN thông tin về số tài khoản và ngày mở tài khoản để DN có thể làm thông báo gửi cơ quan thuế. Vậy DN phải xử lý thế nào?

Trả lời

Trường hợp này doanh nghiệp không cần phải thông báo cho cơ quan thuế.

Kiến nghị 17: Về thủ tục hải quan điện tử

Kiến nghị 17.1: Mặc dù thực hiện hải quan điện tử nhưng số lượng giấy tờ cần ký và đóng dấu vẫn còn quá nhiều. Khi áp dụng thủ tục hải quan điện tử và chữ ký số thì cơ quan Hải quan nên bỏ công đoạn xác nhận, đóng dấu tờ khai giấy khi thông quan hàng hóa. Ngành Hải quan cần áp dụng đồng bộ hóa kê khai hải quan điện tử, việc bổ sung giấy tờ, hồ sơ cũng nên thông qua hải quan điện tử, thậm chí việc xác nhận thông quan điện tử nên thực hiện qua mạng Internet...

Trả lời

Theo yêu cầu quản lý của các cơ quan quản lý chuyên ngành (cơ quan quản lý thị trường) thì khi vận chuyển hàng hóa nhập khẩu trên đường phải có tờ khai hải quan có xác nhận của cơ quan Hải quan. Vì vậy, cơ quan Hải quan vẫn phải in và xác nhận trên Tờ khai hải quan.

Kiến nghị 17.2: Hiện tại, một tờ khai chỉ cho phép tối đa 50 dòng hàng. Tuy nhiên, một lô hàng của doanh nghiệp từ 300-500 dòng dẫn đến phát sinh nhiều chi phí.

Trả lời

Để giảm thiểu các chi phí phát sinh của doanh nghiệp khi áp dụng quy định mới, sẽ quy định chỉ thu lệ phí cho tờ khai đầu tiên của lô hàng.

Một lô hàng có trên 50 dòng hàng được khai báo trên nhiều tờ khai, cơ quan Hải quan chỉ yêu cầu người khai xuất trình, nộp 01 bộ hồ sơ hải quan. Người khai hải quan cũng chỉ phải lưu giữ 01 bộ hồ sơ tương ứng với các tờ khai đã khai báo.

Kiến nghị 17.3: Hiện nay, công ty có nhiều hoạt động thương mại trong đó một lô hàng bao gồm nhiều hóa đơn thương mại khác nhau. Công ty là doanh nghiệp chế xuất, hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng nên hàng hóa không bị quản lý bởi chính sách thuế và trị giá tính thuế. Nếu thực hiện theo quy định hiện hành sẽ phát sinh nhiều chi phí.

Trả lời

Tiếp thu ý kiến góp ý của doanh nghiệp đã quy định một mặt hàng có nhiều hợp đồng/đơn hàng, hoặc nhiều hóa đơn thương mại của một người bán hàng, cùng

điều kiện giao hàng, giao hàng một lần và có một vận đơn thì người khai hải quan khai trên một tờ khai hải quan.

Kiến nghị 17.4: Đề nghị hướng dẫn việc giám sát hải quan đối với hàng hóa luân chuyển giữa các doanh nghiệp chế xuất không cùng khu chế xuất nhưng cùng 1 tập đoàn.

Trả lời:

Kiến nghị của doanh nghiệp đã được quy định tại Thông tư 86/2013/TT-BTC và Thông tư số 22/2014/TT-BTC.

Kiến nghị 17.5: Theo quy định tại Thông tư 86/2013/TT-BTC doanh nghiệp ưu tiên được gộp lượng hàng giao trong vòng 10 ngày để mở trên 1 tờ khai nhập khẩu và sau đó nhà cung cấp mở 1 tờ khai xuất khẩu.

Theo quy định mới tại Thông tư 22/2014/TT-BTC, thủ tục xuất khẩu sẽ làm trước, thủ tục nhập khẩu làm sau. Đề nghị vẫn cho phép áp dụng chế độ ưu tiên như trên.

Trả lời:

Kiến nghị của doanh nghiệp đã được quy định tại Thông tư 86/2013/TT-BTC và Thông tư số 22/2014/TT-BTC.

Kiến nghị 17.6: Sự thiếu đồng bộ trong thông tin của ngành về lệ phí tờ khai

Trả lời

Cơ quan Hải quan đã cải tiến, xây dựng và thực hiện chương trình quản lý thu phí tờ khai hải quan tự động và thay cho thu từng lần theo từng tờ khai, quy định doanh nghiệp nộp lệ phí theo tháng.

Kiến nghị 17.7: Số lần sửa khi khai trên mạng lên đến 9 lần nhưng khi đã hoàn thành việc khai hải quan, doanh nghiệp vẫn chưa được đảm bảo hàng hóa sẽ được thông quan mà không gặp vấn đề gì.

Trả lời

Quy định cho phép sửa tờ khai hải quan trước khi kiểm tra thực tế hàng hóa 9 lần là một ưu việt đối với thủ tục hải quan điện tử thực hiện theo Thông tư 22/2014/TT-BTC. Để tránh việc sửa đổi, bổ sung quá nhiều lần doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ các hướng dẫn khai báo các chỉ tiêu thông tin đã được quy định tại Phụ lục II Thông tư 22/2014/TT-BTC và các hướng dẫn được đăng tải trên Website Tổng cục Hải quan.

Kiến nghị 17.8: Trường khai mã hàng hóa quá ngắn, dẫn đến hiện tượng khó khăn cho doanh nghiệp trong việc áp mã, nếu khai không đúng thì bị phạt.

Trả lời

Vấn đề độ dài của mã hàng hóa đã được cơ quan Hải quan tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung.

Kiến nghị 18: Theo Thông tư 22/2014/TT-BTC, sử dụng hệ thống VNACCS thì tờ khai không thể hiện tên hàng. Vậy khi nộp chứng từ đề nghị cấp

C/O sẽ chỉ có tờ khai hải quan đã thông quan của hải quan mà không có tên hàng thì tổ chức cấp C/O có không kiểm soát được tên các mặt hàng vì doanh nghiệp sẽ không có tờ khai ghi chi tiết mã hàng như trước.

Trả lời

Theo thông lệ quốc tế việc cấp C/O không phụ thuộc vào tờ khai hải quan xuất khẩu. Hồ sơ yêu cầu cấp C/O ngoài tờ khai hải quan đã được xác nhận thông quan còn có vận đơn, hóa đơn để nhận biết chi tiết mặt hàng. Mặt khác, tên hàng hóa trên tờ khai hải quan cũng được khai trên cơ sở vận đơn và hóa đơn.

Hiện nay, Bộ Tài chính và Bộ Công Thương đã thực hiện việc trao đổi thông tin để thực hiện cơ chế hải quan một cửa, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đang phối hợp để cung cấp thông tin về tờ khai hàng hóa cho Bộ Công Thương để làm các thủ tục khác.

Kiến nghị 19: Tồn tại sự thiếu đồng bộ trong ban hành văn bản pháp luật thực hiện chỉ thị 23 của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến đối tượng và thời hạn áp dụng đối với hàng trong kho ngoại quan so với hệ thống pháp luật hiện hành.

Trả lời

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 07/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và gửi kho ngoại quan, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 59/2013/TT-BTC hướng dẫn thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số loại hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển cửa khẩu và gửi kho ngoại quan. Nội dung chủ yếu:

- Tăng cường quản lý đối với hàng cấm kinh doanh tạm nhập, tái xuất, hàng có ảnh hưởng đến môi trường;
- Quản lý chặt chẽ, rút ngắn thời gian gửi kho ngoại quan, yêu cầu có đặt cọc... đối với hàng hóa có rủi ro cao: thực phẩm đông lạnh, hàng hóa có rủi ro cao về thuế (rượu, bia, thuốc lá).
- Khuyến khích đối với hàng hóa phục vụ sản xuất để sản xuất hàng xuất khẩu, sản xuất trong nước.

Kiến nghị 20: Về địa điểm tập kết hàng hóa trước khi làm thủ tục hải quan

Trả lời

Để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã có công văn số 3925/BTC-TCHQ ngày 28/3/2014 hướng dẫn. Theo đó:

- Đối với nhóm hàng: khoáng sản, thủy sản tươi sống, thực phẩm đông lạnh vv... được xếp ngay lên phương tiện vận tải từ cơ sở khai thác, sản xuất.
- Đối với nhóm hàng: dầu thô, khí hóa lỏng, hàng rời, hàng siêu trường, siêu trọng: không yêu cầu phải tập kết đủ hàng, nhưng phải thông báo địa điểm tập kết hàng, địa điểm neo đậu phương tiện vận tải chờ hàng xuất khẩu.

- Đối với một số ngành nghề đặc thù, có tính thời vụ cao, khối lượng lớn như gia công, SXKK: hàng may mặc, da giày, chế biến nông, thủy sản ... không yêu cầu phải tập kết đủ hàng nhưng phải khai báo địa điểm tập kết hàng xuất khẩu.

Kiến nghị 21: Vương mắc về danh mục rủi ro hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Công văn số 3286/TCHQ-TXNK ngày 14/6/2013) chỉ quy định 1 giá cứng cho 1 mặt hàng.

Trả lời

Hiện nay, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 29/2014/TT-BTC ngày 26/2/2014 có hiệu lực từ 12/4/2014 trong đó có quy định việc xây dựng, sửa đổi danh mục rủi ro hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu về trị giá theo định kỳ 6 tháng/ lần. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung mức giá kiểm tra sẽ được thực hiện thường xuyên hơn phù hợp với sự biến động của giao dịch mua bán và tình hình thị trường.

- Về việc tham vấn nhiều lần cho một mặt hàng:

Về vấn đề này, BTC ghi nhận và sửa TT 29/2014/TT-BTC theo hướng chỉ tham vấn một lần tại một cục hải quan địa phương đối với trường hợp cùng một mặt hàng nhưng doanh nghiệp nhập khẩu tại nhiều cục hải quan địa phương, sử dụng kết quả tham vấn lần đầu cho các lần nhập khẩu tiếp theo.

Kiến nghị 22: Vấn đề áp giá và áp mã hàng hóa: Vẫn còn nhiều hiện tượng tham vấn nhiều lần đối với cùng một mặt hàng (Ví dụ xe ô tô của Toyota)

Trả lời

Về phản ánh của doanh nghiệp vẫn còn hiện tượng tham vấn nhiều lần đối với cùng một mặt hàng, nội dung này Bộ Tài chính tiếp thu, bổ sung quy định đối với cùng một mặt hàng nhập khẩu qua nhiều cửa khẩu trong cùng một thời kỳ sẽ giao cho một đơn vị tiến hành tham vấn, tránh tham vấn nhiều lần gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Kiến nghị 23: Về nâng cao hiệu quả của đường dây nóng

Trả lời

Bộ Tài chính tiếp thu để tăng cường việc rà soát, giám sát, kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ, tiếp nhận thông tin của doanh nghiệp qua đường dây nóng, tăng cường hỗ trợ cho doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan và các Trang thông tin điện tử của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố. Nếu có bất cứ khó khăn vướng mắc nào đề nghị các doanh nghiệp có thể phản ánh trực tiếp hoặc thông qua các địa chỉ: website Tổng cục Hải quan (địa chỉ: <http://www.customs.gov.vn>); Báo Hải quan điện tử hoặc Vụ Pháp chế Tổng cục Hải quan (địa chỉ email: vupc@customs.gov.vn) để được nghiên cứu giải quyết kịp thời.

Kiến nghị 24: Về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành để giải quyết thủ tục hải quan cho doanh nghiệp

Trả lời

Bộ Tài chính tiếp thu, tăng cường công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành để giải quyết nhanh chóng thủ tục hải quan cho doanh nghiệp. Ngoài ra, Bộ Tài chính sẽ thường xuyên chấn chỉnh việc thực thi các quy định pháp luật tại các Chi cục Hải quan, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực hiện.

Kiến nghị 25: “DN ngành chăn nuôi cho rằng hiện nay đang rất khó khăn và đề nghị Nhà nước hỗ trợ với hình thức bỏ thuế GTGT đối với thức ăn đầu vào (5%) và thuế phải nộp khi đơn vị bán sản phẩm cho nhà máy chế biến...”

Trả lời

Về vấn đề này, Bộ Tài chính hướng dẫn như sau: Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, các nhân nhập khẩu dùng làm thức ăn chăn nuôi (kể cả nhập khẩu về để sản xuất thức ăn chăn nuôi) thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT ở khâu nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật thuế GTGT. Trường hợp, doanh nghiệp đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu thì được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào đã nộp khi bán ra theo đúng chế độ quy định. Trường hợp trước đó đã thực hiện khác với hướng dẫn này của BTC thì không thực hiện điều chỉnh lại (CV số 5165/BTC-TCHQ ngày 21/04/2014)/.

BỘ TÀI CHÍNH